

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ v/v thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1025/QĐ-ĐHNT ngày 24/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học, liên thông và bằng hai;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên các lớp đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Ông Giám đốc Trung tâm đào tạo và Bồi dưỡng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ vừa làm vừa học cho 118 sinh viên các ngành, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế (có tên trong danh sách kèm theo).

TT	Ngành tốt nghiệp	Số lượng
1	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	73
2	Công nghệ kỹ thuật ô tô	01
3	Ngôn ngữ Anh	29
4	Quản trị kinh doanh	01
5	Kế toán	08
6	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	01
7	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	05
Tổng cộng		118

Điều 2. Trường các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT, TTĐT&BD.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Sĩ Trung

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC

(Theo Quyết định số 2111/2018/QĐ-ĐHNT ngày 12 tháng 12 năm 2018)

Ngành: Công nghệ kỹ thuật xây dựng

TT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	14XD0044	Hồ Minh Triết	03/07/1993	Kiên Giang	TB Khá	KG14CXDI
2	KG15XD0100	Nguyễn Nhật Anh	07/08/1992	Kiên Giang	TB Khá	KG15XDC
3	KG15XD0101	Lê Văn Diên	06/12/1994	Giồng Riềng	TB Khá	KG15XDC
4	KG15XD0102	Nguyễn Hoàng Dũng	13/08/1994	Cần Thơ	TB Khá	KG15XDC
5	KG15XD0103	Hồ Thanh Duy	15/11/1993	Kiên Giang	TB Khá	KG15XDC
6	KG15XD0104	Trần Bảo Duy	21/05/1994	Kiên Giang	Khá	KG15XDC
7	KG15XD0106	Lê Nam Em	30/11/1993	Kiên Giang	Khá	KG15XDC
8	KG15XD0107	Dương Khánh Hậu	10/02/1994	Kiên Giang	TB Khá	KG15XDC
9	KG15XD0110	Mai Đức Hoàng	27/11/1993	Kiên Giang	TB Khá	KG15XDC
10	KG15XD0109	Lê Duy Hòa	13/09/1994	Kiên Giang	Khá	KG15XDC
11	KG15XD0111	Trần Thanh Hùng	09/09/1994	Kiên Giang	TB Khá	KG15XDC
12	KG15XD0112	Đặng Hoàng Huy	20/03/1994	Kiên Giang	TB Khá	KG15XDC
13	KG15XD0113	Trần Lê Huynh	12/05/1986	Kiên Giang	TB Khá	KG15XDC
14	KG15XD0115	Phạm Minh Khiêm	26/11/1993	Cần Thơ	Khá	KG15XDC
15	KG15XD0116	Phạm Thái Kiên	10/10/1992	Kiên Giang	TB Khá	KG15XDC
16	KG15XD0118	Nguyễn Thị Ánh Linh	25/01/1993	Bạc Liêu	TB Khá	KG15XDC
17	KG15XD0117	Đổng Vũ Linh	04/09/1993	Kiên Giang	TB Khá	KG15XDC
18	KG15XD0119	Nguyễn Minh Mẫn	18/11/1992	Kiên Giang	TB Khá	KG15XDC
19	KG15XD0121	Lâm Thanh Nhân	16/09/1993	Kiên Giang	Trung bình	KG15XDC
20	KG15XD0124	Nguyễn Vĩnh Nhuận	12/09/1991	Kiên Giang	TB Khá	KG15XDC
21	KG15XD0105	Lê Văn Đông	13/06/1994	Hòn Đất	Khá	KG15XDC
22	KG15XD0125	Võ Vành Pha	10/03/1993	Quảng Ngãi	TB Khá	KG15XDC
23	KG15XD0126	Lê Tiến Phát	28/02/1992	Kiên Giang	TB Khá	KG15XDC
24	KG15XD0127	Danh Trọng Phong	12/03/1994	Kiên Giang	TB Khá	KG15XDC
25	KG15XD0128	Nguyễn Văn Phương	11/10/1994	Hà Nam	TB Khá	KG15XDC
26	KG15XD0129	Nguyễn Văn Sáng	27/07/1994	Cần Thơ	TB Khá	KG15XDC
27	KG15XD0131	Trịnh Sua	15/09/1988	Kiên Giang	TB Khá	KG15XDC
28	KG15XD0132	Đào Thanh Tâm	12/08/1993	Kiên Giang	TB Khá	KG15XDC
29	KG15XD0133	Võ Minh Tân	03/06/1992	An Giang	TB Khá	KG15XDC
30	KG15XD0135	Nguyễn Văn Thạnh	04/05/1992	Kiên Giang	TB Khá	KG15XDC
31	KG15XD0134	Nguyễn Văn Thái	06/09/1993	Thanh Hóa	TB Khá	KG15XDC
32	KG15XD0136	Đinh Thanh Thiện	27/02/1992	Kiên Giang	TB Khá	KG15XDC
33	KG15XD0137	Nguyễn Hoài Thương	02/05/1994	Kiên Giang	TB Khá	KG15XDC
34	KG15XD0138	Phạm Tiến	04/04/1990	Kiên Giang	TB Khá	KG15XDC
35	KG15XD0139	Nguyễn Thanh Trọng	03/03/1989	An Giang	TB Khá	KG15XDC
36	PR15XD0100	Nguyễn Đức Bình	02/07/1993	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
37	PR15XD0101	Nguyễn Thành Công	21/04/1987	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
38	PR15XD0102	Đỗ Văn Danh	14/01/1985	Quảng Nam	TB Khá	PR215XDC
39	PR15XD0106	Châu Thanh Hải	04/11/1980	Vĩnh Phúc	TB Khá	PR215XDC
40	PR15XD0109	Ung Đức Hoàng	20/09/1988	Phú Yên	TB Khá	PR215XDC
41	PR15XD0110	Lê Hùng	21/01/1985	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC

	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
	PR15XD0111	Lê Quốc Huy	28/10/1991	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
	PR15XD0112	Quảng Đại KaTê	17/09/1985	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
4	PR15XD0113	Nguyễn Quốc Khánh	02/09/1981	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
45	PR15XD0115	Trần Nguyễn Anh Khoa	20/02/1992	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
46	PR15XD0120	Nguyễn Văn Mão	12/04/1992	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
47	PR15XD0121	Phan Đức Minh	09/11/1989	Ninh Thuận	Khá	PR215XDC
48	PR15XD0103	Đinh Tấn Đại	10/12/1991	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
49	PR15XD0123	Nguyễn Xuân Ngọc	02/11/1990	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
50	PR15XD0125	Nguyễn Văn Nguyên	09/08/1993	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
51	PR15XD0148	Bùi Văn Đức	12/04/1992	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
52	PR15XD0150	Ứng Việt Đức	20/10/1994	Phước Thọ	TB Khá	PR215XDC
53	PR15XD0126	Dương Tấn Phi	23/05/1993	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
54	PR15XD0127	Nguyễn Hoàng Phong	05/02/1989	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
55	PR15XD0128	Nguyễn Văn Phong	12/04/1986	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
56	PR15XD0129	Phan Tấn Phú	12/10/1985	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
57	PR15XD0130	Vũ Anh Quang	04/10/1992	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
58	PR15XD0134	Phan Sơn	22/11/1994	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
59	PR15XD0136	Lê Văn Thiện	20/05/1992	Phước Yên	TB Khá	PR215XDC
60	PR15XD0140	Nguyễn Đăng Thư	15/04/1985	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
61	PR15XD0137	Sử Khắc Thông	13/12/1991	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
62	PR15XD0149	Bùi Văn Thịnh	11/11/1989	Ninh Thuận	Khá	PR215XDC
63	PR15XD0138	Nguyễn Thủ	12/08/1990	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
64	PR15XD0142	Nguyễn Công Toàn	02/10/1987	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
65	PR15XD0144	Đổng Văn Trụ	30/07/1986	Ninh Thuận	Khá	PR215XDC
66	PR15XD0145	Nguyễn Thường Tuấn	12/10/1989	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
67	PR15XD0146	Trương Trần Tiến Vũ	28/02/1993	Ninh Thuận	Khá	PR215XDC
68	NT15XD0154	Võ Văn Hiếu	07/06/1988	Phước Yên	Khá	NT15CXD1
69	NT15XD0157	Trần Văn Hồng	08/07/1993	Quảng Ngãi	TB Khá	NT15CXD1
70	NT15XD0161	Nguyễn Mạnh Linh	03/11/1984	Hà Nam	TB Khá	NT15CXD1
71	NT15XD0163	Võ Đăng Minh	13/11/1989	Đắk Lắk	TB Khá	NT15CXD1
72	NT15XD0167	Phan Tấn Tài	07/08/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CXD1
73	NT15XD0171	Lê Quý Thoại	05/11/1989	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CXD1

Danh sách gồm 73 sinh viên.

2. Ngành: Công nghệ kỹ thuật ô tô

TT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	11KG369	Lương Minh Tuấn	03/06/1983	Kiên Giang	TB Khá	KG11CK1

Danh sách gồm 01 sinh viên.

3. Ngành: Ngôn ngữ Anh

TT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	NA16AV0101	Nguyễn Mạnh Cường	01/02/1984	Nghệ An	Giỏi	NA16B2TA
2	NA16AV0102	Phan Trọng Cường	16/01/1977	Nghệ An	Khá	NA16B2TA
3	NA16AV0107	Võ Thị Dung	01/10/1977	Nghệ An	Khá	NA16B2TA
4	NA16AV0108	Nguyễn Thị Kim Dung	23/12/1979	Nghệ An	Khá	NA16B2TA

Handwritten signature

	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
	NA16AV0109	Lê Thùy	Dung	26/04/1986	Nghệ An	Giỏi	NA16B2TA
	NA16AV0115	Hoàng Thị Thúy	Hằng	11/07/1984	Nghệ An	Khá	NA16B2TA
7	NA16AV0116	Ngô Thị Mỹ	Hạnh	21/11/1992	Nghệ An	Khá	NA16B2TA
8	NA16AV0113	Lê Thị Vân	Hà	30/08/1976	Nghệ An	Khá	NA16B2TA
9	NA16AV0117	Nguyễn Thị Thu	Hiền	04/10/1989	Nghệ An	Khá	NA16B2TA
10	NA16AV0118	Nguyễn Thị	Hoa	20/07/1989	Nghệ An	Khá	NA16B2TA
11	NA16AV0122	Đỗ Thị Thu	Hương	29/10/1979	Hà Nội	Khá	NA16B2TA
12	NA16AV0120	Nguyễn Thanh	Hùng	19/12/1985	Nghệ An	Khá	NA16B2TA
13	NA16AV0124	Đoàn Thanh	Huyền	11/09/1987	Nghệ An	Giỏi	NA16B2TA
14	NA16AV0126	Trần Thị	Linh	17/01/1990	Nghệ An	TB Khá	NA16B2TA
15	NA16AV0125	Vũ Xuân	Mạnh	25/04/1983	Hà Nội	TB Khá	NA16B2TA
16	NA16AV0103	Nguyễn Thị Lin	Đa	14/09/1984	Bắc Giang	Khá	NA16B2TA
17	NA16AV0104	Nguyễn Hải	Đăng	20/11/1977	Nghệ An	Khá	NA16B2TA
18	NA16AV0127	Hồ Thế	Nam	02/01/1980	Nghệ An	Khá	NA16B2TA
19	NA16AV0128	Lê Thị	Nga	02/10/1974	Thanh Hóa	Khá	NA16B2TA
20	NA16AV0129	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	25/12/1983	Nghệ An	Khá	NA16B2TA
21	NA16AV0130	Trần Đại	Nghĩa	22/02/1985	Hà Tĩnh	Khá	NA16B2TA
22	NA16AV0131	Hồ Thị Bích	Ngọc	25/06/1978	Nghệ An	TB Khá	NA16B2TA
23	NA16AV0136	Nguyễn Phương	Thảo	16/07/1981	Nam Định	Khá	NA16B2TA
24	NA16AV0135	Đặng Thị	Thảo	30/11/1980	Nghệ An	Khá	NA16B2TA
25	NA16AV0137	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	16/09/1979	Nghệ An	Khá	NA16B2TA
26	NA16AV0144	Nguyễn Đình	Tường	08/11/1975	Nghệ An	Giỏi	NA16B2TA
27	NA16AV0139	Đặng Thị	Trà	11/11/1994	Nghệ An	Khá	NA16B2TA
28	NA16AV0146	Trần Thị	Vân	20/02/1981	Nghệ An	Khá	NA16B2TA
29	NA16AV0149	Lê Thị	Xuân	07/12/1977	Nghệ An	Khá	NA16B2TA

Danh sách gồm 29 sinh viên.

4. Ngành: Quản trị kinh doanh

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	20150165	Trần Vũ	Minh	15/03/1981	Khánh Hòa	TB Khá	NT15B2QT

Danh sách gồm 01 sinh viên.

5. Ngành: Kế toán

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	LT2010041	Đỗ Thị Hằng	Thu	15/12/1985	Kiên Giang	Trung bình	KG-LKT2010
2	13DN0060	Nguyễn Thị	Mẫn	22/02/1983	Ninh Thuận	TB Khá	PR13TDN
3	14DN0902	Phan Thị Thanh	Viên	30/10/1983	Ninh Thuận	TB Khá	PR14TDN
4	12PQ004	Bùi Huy	Cảnh	21/08/1983	Quảng Bình	TB Khá	PQ12DN
5	09DN5080	Nguyễn Diệp Thu	Vân	11/07/1983	Kiên Giang	Trung bình	PQ09DN
6	LT2010069	Bùi Văn	Tiền	11/11/1975	Kiên Giang	Trung bình	LKT2010B
7	13DN0750	Hoàng Minh	Trung	02/09/1991	Đắk Lắk	Trung bình	NT13DN4
8	14DN0629	Lê Thị Khánh	Cúc	26/04/1984	Quảng trị	TB Khá	KT14TDN

Danh sách gồm 08 sinh viên.

7. Công nghệ kỹ thuật nhiệt

MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
12NL020	Nguyễn Thành Long	27/12/1991	Long An	TB Khá	SG12NL

Danh sách gồm 01 sinh viên.

7. Ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	14DT0024	Phan Tiến Đạt	30/11/1993	Vĩnh Long	TB Khá	CT14TDT1
2	14DT0038	Huỳnh Trần Huỳnh	02/02/1994	Cần Thơ	TB Khá	CT14TDT1
3	14DT0005	Hoàng Tiến Dũng	20/10/1991	Nghệ An	Trung bình	CT14CDT1
4	14DT0007	Thái Thế Hiễn	20/05/1991	Cần Thơ	Trung bình	CT14CDT1
5	14DT0022	Nguyễn Thanh Vốn	22/11/1990	Cần Thơ	Trung bình	CT14CDT1

Danh sách gồm 05 sinh viên.

nh



nh